

# HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC GIỮ GÌN VÀ PHÁT TRIỂN TIẾNG NÓI DÂN TỘC

◆ PGS.TS. TRẦN KHÁNH THÀNH

**Ý** thức bảo vệ độc lập chủ quyền đất nước bao giờ cũng gắn liền với ý thức giữ gìn tiếng mẹ đẻ, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Tiếng nói dân tộc là phương tiện giao tiếp của cộng đồng, là đời sống của dân tộc được cất lên với bao nỗi niềm tâm sự, là hồn thiêng đất nước kết tinh trong lời ca, tiếng hát của nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh - nhà yêu nước vĩ đại, anh hùng giải phóng dân tộc - luôn ý thức sâu sắc về bản sắc văn hóa dân tộc và vai trò quan trọng của tiếng nói dân tộc. Người hiểu rằng ngôn ngữ là một vũ khí sắc bén trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù xâm lược, đồng thời là phương tiện quan trọng để tập hợp, tuyên truyền, động viên, cổ vũ quần chúng tham gia cách mạng, xây dựng và bảo vệ đất nước. Bác rất yêu tiếng Việt, tin tưởng vào khả năng to lớn của tiếng Việt và đã cống hiến hết mình cho sự phát triển tiếng Việt và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt trong thời đại ngày nay. Trong nhiều phát biểu tại các hội nghị về văn hóa, văn nghệ, báo chí, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh sự nghiệp giữ gìn và phát triển tiếng nói của dân tộc.

Tiếng nói dân tộc được hình thành qua hàng năm lịch sử, là thành quả sáng tạo của nhân dân trong quá trình hình thành dân tộc. Dân tộc ta đã từng trải qua một ngàn năm Bắc thuộc và gần tám mươi năm Pháp thuộc nhưng nhờ tinh thần bất khuất

và tình yêu nước nồng nàn mà tiếng Việt vẫn được gìn giữ và phát triển. Tiếng nói là di sản văn hóa phi vật thể đặc biệt, là tài sản vô cùng quý giá của dân tộc, trường tồn cùng dân tộc. Chân lý đó đã được Hồ Chí Minh nhiều lần khẳng định trong các văn kiện chính trị và các bài phát biểu với những người làm công tác văn hóa, văn nghệ và báo chí. Tại Đại hội lần thứ II của Hội Nhà báo Việt Nam, ngày 16.4.1959, Bác chỉ ra rằng: “Tiếng nói là một thứ của rất quý báu của dân tộc, chúng ta phải hết sức giữ gìn lấy nó, chớ để bệnh nói chữ lẫn át đi”<sup>1</sup>. Đến Đại hội lần thứ III Hội Nhà báo Việt Nam, ngày 8.9.1962, một lần nữa Người căn dặn: “Tiếng nói là thứ của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc. Chúng ta phải giữ gìn nó, quý trọng nó, làm cho nó phổ biến ngày càng rộng khắp”<sup>2</sup>. Trong tiến trình xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước, dân tộc ta đã bảo vệ được non sông gấm vóc, bảo vệ độc lập, tự do của dân tộc. Đó là những tài sản vô cùng quý giá mà chúng ta đã phải trả bằng mồ hôi, nước mắt và máu xương của bao thế hệ. Dân tộc ta đã phải đương đầu với những thế lực ngoại xâm đến cướp đất nước ta, tước đoạt chủ quyền của dân tộc ta, đồng hóa dân tộc ta, hòng làm cho đồng bào ta quên mất cội nguồn, đánh mất tiếng nói của mình. Nhưng với tình yêu nước nồng nàn, ý chí sắt đá bảo



vệ độc lập chủ quyền đất nước, dân tộc ta, dù trải qua nhiều thử thách lớn lao, vẫn giữ vững nền độc lập, vẫn phát triển văn hóa, vẫn làm cho tài sản tiếng Việt quý giá không ngừng phát triển. Xuất phát từ thực tế lịch sử của dân tộc và quy luật của đời sống, Bác Hồ nhắc nhở các cán bộ làm công tác văn hóa văn nghệ cần phải ý thức thật đầy đủ vai trò quan trọng của tiếng nói dân tộc. Tiếng nói không chỉ là phương tiện giao tiếp đơn thuần mà là “của rất quý báu”, là “của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc”. Tiếng nói dân tộc gắn liền với quá trình sinh thành của dân tộc, được truyền từ đời này qua đời khác, qua tiếng mẹ ru, qua câu chuyện ông bà kể, qua lời ca tiếng hát của những người dân bình dị khắp thôn cùng bản vắng. Tiếng nói là phương tiện kết nối, giao lưu, là nỗi niềm tâm sự, là trí tuệ của nhân dân được kết tinh trong ca dao, tục ngữ, là bản sắc văn hóa dân tộc được nói bằng nghệ thuật ngôn từ. Tiếng nói còn là sự hiện diện của dân tộc trong cộng đồng nhân loại, là sự khẳng định bản thể cá nhân trong xã hội. Nỗi khổ đau của một dân tộc không chỉ là mất nước, mất độc lập mà còn là mất tiếng nói. Đã bao lần các thế lực ngoại xâm kéo quân đến nước ta không những cướp lãnh thổ, tước đoạt chủ quyền mà còn đồng hóa giống nòi ta, xóa bỏ tiếng nói của chúng ta. Vì vậy tiếng nói của dân tộc rất quý giá, rất thiêng liêng. Bảo vệ tài sản quý giá và thiêng đó là trách nhiệm của đồng bào ta. Điều đó khiến tình yêu nước của dân ta, rất tự nhiên, trở thành tình yêu tiếng Việt.

Quan điểm và thái độ quý trọng tiếng nói dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng là quan điểm của Đảng và Nhà nước ta

trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước. Trong những ngày tháng gian khổ khốc liệt nhất của cuộc kháng chiến chống Mĩ, Chính phủ vẫn chủ trương tổ chức Hội nghị về vấn đề giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Ngày 7.2.1966, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đến dự hội nghị và có bài phát biểu quan trọng. Trong bài phát biểu này, Thủ tướng đã khẳng định tiếng Việt ta rất giàu và đẹp, cội nguồn của cái giàu cái đẹp đó là “tiếng nói của quần chúng nhân dân, đầy tình cảm, hình ảnh, màu sắc và âm điệu, hồn nhiên, ngộ nghĩnh và đầy ắp ý nghĩa, đồng thời nó là ngôn ngữ của văn học, nghệ thuật mà những nhà văn, nhà thơ lớn của dân tộc ta như Nguyễn Trãi, Nguyễn Du... những nhà văn và nhà thơ hiện nay ở Miền Bắc và ở Miền Nam, đã nâng lên đến trình độ rất cao về nghệ thuật, khiến cho nó trở nên trong sáng, đẹp đẽ lạ thường. Chính cái giàu đẹp đó làm nên cái chất, giá trị, bản sắc, tinh hoa của tiếng Việt, kết quả của một quá trình và biết bao công sức dòi mài”<sup>3</sup>. Thủ tướng kêu gọi mọi người “phải biết yêu và quý tiếng nói của dân tộc, bắt nguồn từ cuộc sống lâu đời của dân tộc, phản ánh tư tưởng và tình cảm của quần chúng nhân dân, mỗi chữ, mỗi tiếng có sức cảm xúc mạnh mẽ tâm hồn người Việt Nam ta”<sup>4</sup>. Nhà thơ Tố Hữu, một người nhiều năm tham gia công tác văn lãnh đạo văn hóa, văn nghệ, trong bài phát biểu tại Hội thảo *Bản sắc dân tộc trong văn hóa văn nghệ* đã khẳng định: “Về văn học, nghệ thuật, bản sắc dân tộc bộc lộ rõ nhất trong ngôn ngữ. Riêng tiếng nói Việt Nam là đơn âm, nhiều thanh điệu, đầy nhạc tính rất thuận lợi cho thơ và âm nhạc”<sup>5</sup>. Trân quý những giá trị quý báu của tiếng Việt cũng là trân quý bản sắc văn hóa Việt, tự hào về truyền



thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, Đảng ta kiên trì đường lối xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Tình yêu tiếng Việt luôn gắn liền với ý thức độc lập chủ quyền dân tộc. Tư tưởng đúng đắn đó thể hiện rõ trong hàng nghìn năm giữ nước của ông cha ta. Ngay cả khi còn chịu ách đô hộ của phong kiến phương Bắc, nhân dân ta đã có ý thức bảo tồn và phát triển tiếng nói dân tộc. Họ sáng tạo chữ Nôm để ghi lại tiếng nói của dân tộc Việt, những văn bản ấy được họ gọi là Quốc âm. Nhờ sự phát triển của Quốc âm từ thời Lý, thời Trần, thời Lê, đến thời Nguyễn mà chúng ta có được nền thơ phú phát triển rực rỡ với thơ văn của Nguyễn Trãi, *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, thơ của Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến, Tú Xương, *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu... Từ thế kỷ thứ XVII xuất hiện thêm một loại văn tự mới dùng chữ Latinh ghi âm tiếng Việt; trải qua mấy thế kỷ thử thách nó đã trở thành Quốc ngữ của chúng ta. Chữ Nôm hay chữ Quốc ngữ dù có vay mượn về chữ viết hay âm đọc nhưng chúng đã ghi lại được tiếng nói của dân tộc, bảo tồn và phát huy được tiếng mẹ đẻ của chúng ta; lưu giữ được tư tưởng, tình cảm của dân tộc một thời. Trong lĩnh vực văn nghệ, việc giữ gìn và phát triển tiếng nói càng quan trọng hơn. Bởi đó không chỉ là phương tiện biểu đạt mà còn là kho tàng lưu trữ những giá trị tinh thần cao quý của dân tộc. Ngôn ngữ dân tộc thể hiện cách nhìn, cách cảm, cách nghĩ hay nói khái quát hơn là tâm hồn trí tuệ dân tộc được nói lên ở đó.

Đến thời hiện đại, tình cảm yêu nước cũng được thể hiện thiết tha trong tình yêu tiếng Việt. Trong những ngày tháng tủi

hòn của cuộc đời nô lệ, các nhà Thơ mới cảm thấy bế tắc, tuyệt vọng, lúc nào cũng mang cảm thức tha hương. “Bi kịch ấy họ gửi cả vào tiếng Việt. Họ yêu vô cùng thứ tiếng trong mấy mươi thế kỷ đã chia sẻ vui buồn với cha ông. Họ dồn tình yêu quê hương trong tình yêu tiếng Việt. Tiếng Việt, họ nghĩ là tấm lụa đã hứng vong hồn những thế hệ qua. Đến lượt họ, họ cũng muốn mượn tấm hồn bạch chung để gửi nỗi băn khoăn riêng” (Hoài Thanh)<sup>6</sup>. Từ năm 1942, Huy Cận - một nhà thơ tiêu biểu của phong trào Thơ mới đã gửi gắm trong tình yêu tiếng Việt trong những câu thơ lục bát ngọt ngào: “*Nằm trong tiếng nói yêu thương/ Nằm trong tiếng Việt vẫn vương một đời/ Sơ sinh lòng mẹ đưa nôi/ Hồn thiêng đất nước cũng ngồi bên con*” (*Nằm trong tiếng nói*). Năm 1979, khi tiếng súng chống xâm lăng đang rền vang trên biên giới phía Bắc, nhà thơ Lưu Quang Vũ có bài thơ rất cảm động về tiếng Việt. Với nhà thơ, tiếng Việt không chỉ đơn thuần là phương tiện để tư duy, giao tiếp mà hơn thế, tiếng Việt là con người, cuộc sống của chúng ta, là tiếng mẹ gọi, lời cha dặn, là “tiếng gọi dò sông vắng bến lau khuya”, là vẻ đẹp tâm hồn người Việt thấm vào trong giọng điệu: “*Chưa chữ viết đã vẹn tròn tiếng nói/ Vầng trăng cao đêm cá lặn sao mờ/ Ôi tiếng Việt như bùn và như lụa/ Óng tre ngà và mềm mại như tơ/ Tiếng tha thiết, nói thường nghe như hát/ Kể mọi điều bằng ríu rít âm thanh*”. Tiếng nói còn là sự hiện diện của hồn cốt dân tộc, là sự khẳng định chủ quyền của nước Việt Nam ta trong những thời khắc lịch sử quan trọng: “*Một đảo nhỏ ngoài khơi nhiều kẻ nhận/ Vẫn tiếng làng tiếng nước của riêng ta*” (*Tiếng Việt*).



Bác Hồ muốn chúng ta hiểu được tầm quan trọng của tiếng nói dân tộc, nhận thức được giá trị quý báu của tiếng nói dân tộc là để giữ gìn và phát triển tiếng Việt một cách tốt nhất. Đây là vấn đề quan trọng có ý nghĩa chiến lược lâu dài, được Người đặc biệt quan tâm. Ngay thời gian đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Bác đã viết tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* (Tác phẩm viết xong từ tháng 10.1947 và xuất bản lần đầu năm 1948) đề cập nhiều vấn đề lớn mang tính lý luận và tính nguyên tắc về công tác bồi dưỡng tư tưởng, đạo đức tác phong và phương pháp làm việc của cán bộ, đảng viên. Trong văn kiện quan trọng này, Bác đã dành một phần để nói về “thói ba hoa”, một thứ bệnh cần sửa chữa trong cách nói, cách viết của cán bộ ta. Mở đầu, Bác chỉ ra cội nguồn cơ bản của thói ba hoa là: “Vì chúng ta trước kia học chữ Hán, sau này học chữ Pháp cho nên khi nói khi viết, hay dùng chữ Hán và theo cách Pháp. Thành thử dài dòng mà khó hiểu, khó nghe”<sup>7</sup>. Sau đó Bác phân tích 8 biểu hiện của thói ba hoa trong cách nói, cách viết: a) Dài dòng, rỗng tuếch, b) Có thói “câu kỳ”, c) Khô khan, lúng túng, d) Báo cáo lông bông, đ) Lụp chụp, cầu thả, e) Bệnh theo “sáo cũ”, g) Nói không ai hiểu, h) Bệnh hay nói chữ. Quan điểm của Bác về vấn đề giữ gìn và phát triển tiếng Việt rất rõ ràng, đúng đắn, phù hợp với hoàn cảnh lịch sử của dân tộc. Để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, Bác phê phán quyết liệt “bệnh hay nói chữ”: “Tiếng ta có thì không dùng, mà cứ ham dùng chữ Hán. Dùng đúng, đã là một cái hại, vì quần chúng không hiểu. Nhiều người không biết rõ, dùng không đúng, mà cũng ham dùng, cái hại lại càng to”<sup>8</sup>.

Người cũng hiểu rằng: “Tiếng ta còn thiếu, nên nhiều lúc phải mượn tiếng nước khác” nhưng “Tiếng nào ta sẵn có thì dùng tiếng ta”. Quan điểm tiếp nhận ngôn ngữ của Bác rất linh hoạt nhưng có nguyên tắc rõ ràng: “Chúng ta không chống mượn tiếng ngoại quốc để làm cho tiếng ta đầy đủ thêm. Nhưng chúng ta phải chống cách mượn không phải lối, mượn đến nỗi bỏ cả tiếng ta, đến nỗi quần chúng không hiểu”<sup>9</sup>. Vấn đề giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt còn được Bác nhắc lại trong nhiều lần nói chuyện với những người làm công tác văn hóa, văn nghệ. Trong bài nói chuyện tại lớp chính Đảng Trung ương ngày 17.8.1953, Bác đã phê phán: “Các ông viết báo nhà mình hay dùng chữ quá. Những chữ tiếng ta có mà không dùng, lại dùng cho được chữ kia. Cán bộ cũng hay dùng chữ lắm, dùng lung tung; nhiều khi không đúng”<sup>10</sup>. Tại Đại hội lần thứ hai của Hội Nhà báo Việt Nam, ngày 16.4.1959, Bác lại nghiêm khắc phê bình: “Cái bệnh dùng chữ là phổ biến trong tất cả các ngành. Đáng lẽ báo chí phải chống lại cái bệnh đó, nhưng trái lại, báo chí lại tuyên truyền cho cái tệ đó”<sup>11</sup>. Cái bệnh dùng chữ mà Bác lên án là nhiều người làm báo, làm văn sinh dùng chữ nước ngoài, như “mượn chữ Hán quá nhiều”, không đúng chỗ, không cần thiết, gây nên khó hiểu. Trong lúc đó vốn tiếng Việt khá dồi dào, có thể biểu đạt chính xác, rõ ràng, dễ hiểu lại không chịu dùng. Đó là biểu hiện của đầu óc nô lệ, thiếu lòng tự tôn dân tộc. Để khắc phục tình trạng đó, Bác cho rằng cần học cách nói của quần chúng, phải dùng những lời lẽ, những thí dụ giản đơn, thiết thực, dễ hiểu, tài liệu dẫn chứng phải chính xác, câu văn phải sắp xếp cẩn thận.



Hồ Chí Minh là nhà văn hóa tầm vóc nhân loại, Bác thông thạo nhiều ngoại ngữ nhưng khi nói và viết bao giờ Bác cũng triệt để dùng tiếng nói của dân tộc; chỉ trong những trường hợp không có từ tiếng Việt thay thế, Bác mới buộc phải dùng tiếng nước ngoài. Những tác phẩm văn chương, báo chí của Hồ Chí Minh là minh chứng hùng hồn cho đường lối giữ gìn và phát triển tiếng nói của dân tộc. Nhiều nhà ngôn ngữ học, nghiên cứu văn học đã có những công trình khảo sát công phu về ngôn ngữ báo chí và văn chương của Hồ Chí Minh. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ khái quát một vài điểm chính để chúng ta cùng học tập cách nói, cách viết của Hồ Chí Minh, theo phương châm dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa.

Nói và viết là hành vi giao tiếp có khả năng tác động sâu sắc và mạnh mẽ đến người tiếp nhận. Vì vậy bao giờ Bác cũng xác định một cách rõ ràng đối tượng, mục đích, nội dung và hình thức giao tiếp. Trong bài *Cách viết*<sup>12</sup>, Bác chỉ dẫn, khi viết cần phải đặt câu hỏi: Viết cho ai? Viết để làm gì? Thế thì viết cái gì? Lấy tài liệu đâu mà viết? Cách viết thế nào? Sau đó Bác thân tình kể lại kinh nghiệm viết của mình từ thời hoạt động ở Pháp cho đến khi viết bản *Tuyên ngôn độc lập* của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa<sup>13</sup>. Quan niệm đó cũng được thể hiện nhất quán trong lời chia sẻ *Vì sao phải viết sách này?* ở đầu cuốn *Đường cách mệnh*: “Sách này chỉ ước ao sao đồng bào xem rồi thì nghĩ lại, nghĩ rồi thì tinh dậy, tỉnh rồi thì đứng lên đoàn kết mà làm cách mệnh”<sup>14</sup>. Bác luôn xác định rõ ràng, cụ thể về đối tượng giao tiếp để tìm hình thức ngôn ngữ phù hợp. Bác cho rằng phải viết, nói như thế nào để nhân dân dễ hiểu,

hiểu để thức tỉnh và thức tỉnh để tự nguyện làm cách mạng một cách hăng hái, hiệu quả nhất.

Nhất quán với quan niệm về cách viết trên đây, trong suốt hành trình hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh đã để lại nhiều tác phẩm báo chí và văn chương có giá trị cao và được mọi người tôn vinh là nhà thơ, nhà văn, nhà báo lớn của dân tộc. Vì xác định rõ ràng đối tượng tiếp nhận là “đại đa số công - nông - binh”, với mục đích “để giáo dục, giải thích, cổ động, phê bình. Để phục vụ quần chúng”, Bác đã viết những nội dung thiết thực của cách mạng và dùng cách viết giản dị, dễ hiểu, rõ ràng, ngắn gọn. Về mặt từ vựng, Bác thường dùng bộ phận từ thuần Việt, ngôn ngữ thường ngày của nhân dân, dễ hiểu, dễ nhớ. Khi nói bệnh tham lam của một số cán bộ, Bác viết: “Sinh hoạt thì xa hoa, tiêu xài bừa bãi. Tiền bạc ở đâu ra? Không xoay của Đảng thì xoay của đồng bào. Thậm chí làm chợ đen buôn lậu”. Khi nói bệnh lười biếng, Bác chỉ ra những hành vi cụ thể bằng từ ngữ thường dùng của người dân: “Tự cho mình cái gì cũng giỏi, việc gì cũng biết (...). Việc dễ thì tranh lấy cho mình. Việc khó thì đùn cho người khác. Gặp việc nguy hiểm thì tìm cách để trốn tránh”<sup>15</sup>. Trong nhiều bài viết, bài nói chuyện, khi lựa chọn giữa hai lớp từ gốc Hán và thuần Việt, bao giờ Bác cũng lựa chọn lớp từ thuần Việt. Ví dụ: chọn “cha mẹ học trò” thay cho “phụ huynh học sinh”, “thầy thuốc” thay cho “y sĩ”, “thầy giáo” thay cho “giáo viên”... Để tạo được cách nói giản dị, gần gũi với quần chúng nhân dân, Bác thường dùng thành ngữ, tục ngữ, “lời ăn tiếng nói” hàng ngày của nhân dân. Ví dụ, chỉ trong 3 trang của tác phẩm *Sửa đổi*



*lời làm việc*, Bác đã dùng đến ba thành ngữ, tục ngữ: “Đo bò làm chuông, đo người may áo”, “gãy đòn tai trâu”, “Học ăn, học nói, học gói, học mở”<sup>16</sup>. Theo thống kê của nhà ngôn ngữ học Cù Đình Tú, chỉ riêng trong sáu tập *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, có khoảng 300 thành ngữ, tục ngữ được Bác sử dụng một cách linh hoạt và sáng tạo<sup>17</sup>. Ở cấp độ câu, Bác thường dùng hình thức ngắn gọn, gần với hội thoại nhưng vẫn tinh tế, chuẩn mực, trong sáng. Khi nói, khi viết thư cho đồng bào, đồng chí, bạn bè, bao giờ Bác cũng có tiếng nói chân tình, mộc mạc, gần gũi mà giàu hình ảnh, tràn đầy cảm xúc: “Hỡi các chiến sĩ yêu quý! Trong khi đồng bào ở hậu phương đốt hương trầm để thờ phụng Tổ tiên thì các chiến sĩ ở tiền phương dùng súng đạn để giữ gìn Tổ quốc. Trong khi đồng bào ở hậu phương rót rượu mừng xuân thì các chiến sĩ ở tiền phương tuốt gươm giết giặc. Các chiến sĩ hăng hái chống địch để cho đồng bào được an toàn mừng xuân. Trong mấy ngày Tết, đồng bào ở hậu phương ai cũng đoàn tụ sum vầy chung quanh những bình hoa, mâm bánh. Mà các chiến sĩ thì ăn gió nằm mưa, lạnh lùng ở chốn sa trường. Song, hình dung các bạn thì ấm áp trong lòng thân ái của mỗi quốc dân” (*Thư chúc mừng năm mới*, 1946)<sup>18</sup>. Khi viết những lời kêu gọi, Bác dùng những câu văn giản dị mà hàm súc, trang nghiêm mà tha thiết, giàu sức thuyết phục: “Hỡi đồng bào toàn quốc! Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa! Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định

không chịu làm nô lệ. Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên!” (*Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*)<sup>19</sup>. Ngôn ngữ trong tác phẩm của Hồ Chí Minh rất phong phú, đa dạng, tùy theo đối tượng, nội dung mà cất lên ngôn từ và giọng điệu thích hợp, đạt hiệu quả tác động to lớn. Nhưng đó là sự phong phú trong tính thuần khiết, đa dạng trong sự thống nhất cao. Vì vậy, tiếng nói nghệ thuật ngôn từ trong văn chương và báo chí của Hồ Chí Minh mang một phong cách riêng độc đáo. Đúng như nhận định của đồng chí Trường Chinh: “Cách nói, cách viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh có những nét độc đáo: nội dung khẳng khái, thâm thúy, đi sâu vào tình cảm con người, chinh phục cả trái tim và khối óc của người ta, hình ảnh sinh động, giản dị, dễ hiểu, giàu tính dân tộc và tính nhân dân”<sup>20</sup>. Qua những phân tích trên đây, chúng ta thấy rằng, quan điểm của Hồ Chí Minh về giữ gìn và phát triển tiếng nói dân tộc thống nhất với phong cách ngôn ngữ của Người. Các tác phẩm văn chương, báo chí của Bác kết tinh cao độ và mẫu mực của ngôn ngữ dân tộc trong thời kỳ hiện đại. Vì vậy, những người hoạt động văn hóa nghệ thuật, báo chí cần phải học tập cách nói, cách viết của Hồ Chí Minh để không ngừng nâng cao trình độ sử dụng nghệ thuật ngôn từ, góp phần làm cho tiếng Việt ngày càng giàu và đẹp, góp phần làm cho văn hóa, văn nghệ ngày càng có sức mạnh to lớn trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Bước sang thế kỷ XXI, đất nước ta càng hội nhập sâu rộng hơn với bạn bè quốc tế. Bên cạnh những thuận lợi rất cơ bản, chúng ta đang đối diện với nhiều thách thức, trong đó có những thách thức trong việc



giữ gìn và phát triển bản sắc văn hóa dân tộc. Tình trạng sử dụng từ gốc Hán không đúng nghĩa, không phù hợp ngữ cảnh đang xảy ra khá nhiều; các ngữ đoạn giao tiếp tiếng Việt bị chen vào những từ tiếng Anh, tiếng Pháp một cách vô lối; cách viết chính tả tiếng Việt bị biến đổi tùy tiện. Sự trong sáng của tiếng Việt đang có nguy cơ đe dọa, nhất là ngôn ngữ giao tiếp trên không gian mạng. Việc giữ gìn và phát triển tiếng Việt trong thời đại ngày nay càng trở nên cấp bách.

Để tăng cường và phát huy sức mạnh của văn, hóa văn nghệ, trong mấy nhiệm kỳ Đại hội gần đây, Đảng ta có nhiều nghị quyết quan trọng, kịp thời đề ra đường lối, chủ trương đúng đắn nhằm phát triển nền văn hóa nói chung và tiếng nói dân tộc nói riêng. Trong bài phát biểu tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24.11.2021, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định tầm quan trọng của văn hóa trong đời sống dân tộc: “Văn hóa là hồn cốt của Dân tộc, nói lên bản sắc của Dân tộc. Văn hóa còn thì Dân tộc còn”<sup>21</sup>. Tiếng Việt là một phần hồn cốt của dân tộc ta, là một bộ phận quan trọng của văn hóa đồng thời là phương tiện lưu giữ, lan tỏa các giá trị văn hóa. Việc bảo vệ bản sắc và lan tỏa văn hóa Việt Nam ra cộng đồng quốc tế là hết sức quan trọng. Trước hết, tiếng Việt phải là cầu nối vững chắc, bền chặt đồng bào ta trên toàn thế giới, làm cho 5,3 triệu người Việt đang sống trên 130 quốc gia và vùng lãnh thổ luôn “gọi thầm tiếng Việt mỗi đêm khuya”, để “Tiếng Việt rung rinh nhịp đập trái tim người/ Như tiếng sáo như dây đàn máu nhỏ” (Lưu Quang Vũ). Đáp ứng nhu cầu bức thiết đó, ngày 3.8.2022, Phó Thủ tướng Phạm Bình Minh

đã ký Quyết định số 930/QĐ –TTg phê duyệt Đề án “Ngày tôn vinh tiếng Việt trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài giai đoạn 2023-2030”. Đây là việc làm thiết thực góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống dân tộc, khẳng định vị thế Việt Nam trong cộng đồng quốc tế. Chắc chắn tiếng Việt chúng ta, văn hóa dân tộc Việt Nam ta sẽ không ngừng phát triển và lan tỏa rộng khắp trong cộng đồng nhân loại trong kỷ nguyên hội nhập này. ■

#### Chú thích:

<sup>1,11</sup> Hồ Chí Minh toàn tập, tập 12, NXB Chính trị Quốc gia, 2011, tr.165, 164.

<sup>2</sup>Hồ Chí Minh toàn tập, tập 13, NXB Chính trị Quốc gia, 2011, tr.453.

<sup>3,4</sup> Hồ Chí Minh – Lê Duẩn – Trường Chinh – Phạm Văn Đồng – Võ Nguyên Giáp – Nguyễn Chí Thanh (1972), *Văn hóa văn nghệ*, NXB Văn hóa, tr.418, 420.

<sup>5</sup> Nhiều tác giả (2001), *Bản sắc dân tộc trong Văn hóa Văn nghệ*, NXB Văn học –Trung tâm nghiên cứu Quốc học, tr. 28.

<sup>6</sup> Hoài Thanh – Hoài Chân (1997), *Thi nhân Việt Nam* (Bản in lần thứ mười ba), NXB Văn học, tr. 47.

<sup>7,8,9,15,16</sup> Hồ Chí Minh toàn tập, tập 5, NXB Chính trị Quốc gia, 2011, tr.339, 344, 341, 295, 339-341.

<sup>10,13</sup> Hồ Chí Minh toàn tập, tập 8, NXB Chính trị quốc gia, 2011, tr. 207.

<sup>12</sup> Bài giảng của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại lớp chính Đảng Trung ương ngày 17.8.1953.

<sup>14</sup>Hồ Chí Minh toàn tập, tập 2, NXB Chính trị Quốc gia, 2011, tr.283.

<sup>17,20</sup> Nhiều tác giả (1997), *Hồ Chí Minh tác gia tác phẩm nghệ thuật ngôn từ*, NXB Giáo dục, 1997, tr. 216.

<sup>18,19</sup> Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4, NXB Chính trị Quốc gia, 2011, tr.196 -197, 534.

<sup>21</sup> Nguồn: TTXVN, Thứ Sáu, 26.11.2021.